TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh

Bà Đặng Thị Việt Hoài

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Đức Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T1, thành phố H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(Chị Lê Thị M có mặt, anh Nguyễn Tiến D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã V, thành phố T. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do anh D rượu chè, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên giải, mong anh D thay đổi, anh D hứa tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình nhưng sau nhiều lần vẫn không thay đổi. Anh chị đã có thời gian ly thân khoảng 06 tháng để mong anh D thay đổi cách sống của mình nhưng không được. Đến nay chị M xác định không còn tình cảm với anh D, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tiến D có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Trung Minh H1, sinh ngày 25/7/2016. Hai con hiện nay đang sống cùng chị M ở thành phố H, tỉnh H. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị M đang làm công việc tiếp thị cho các nhãn hàng, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng (mười triệu đồng một tháng).

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Nguyễn Tiến D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến làm việc theo các giấy báo của Tòa án.

Bà Phí Thị T2, sinh năm 1955, cư trú tại: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T (là mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến D) cho biết: Sau khi kết hôn, chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tiến D chung sống cùng gia đình bà tại Thôn K, xã V. Anh D đi làm tiếp thị từ sáng đến khoảng 7, 8 giờ tối mới về, hiện nay chị M và các con đã về nhà mẹ đẻ chị M ở tỉnh H. Do chị M và anh D không thường xuyên tâm sự nên gia đình bà không nắm được cụ thể mâu thuẫn của anh chị là gì. Bà chỉ thấy chị M có nói về việc vợ chồng không chung sống với nhau được nữa nên làm đơn xin ly hôn. Anh D đã biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết việc ly hôn của anh chị, quan điểm của anh D là chị M xin ly hôn thì đó là việc của chị ấy. Chị M và anh D có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Trung Minh H1, sinh ngày 25/7/2016. Ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Trung Minh H1.

Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tiến D đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp nội dung như sau: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tiến D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh D có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể vì lý do gì thì địa phương không nắm được do gia đình không báo cáo. Anh chị có 02 con chung là

Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Trung Minh H1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tiến D, về con chung: giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú tại xã V, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, theo chị M trình bày nguyên nhân do anh D rượu chè, cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã dùng nhiều biện pháp nhưng anh D không thay đổi. Khi biết chị M xin ly hôn, anh D không gặp gỡ hay liên lạc với chị M để hòa giải, đồng thời cũng không làm việc với Tòa án theo giấy báo, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc

gia đình, chứng tỏ tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Tiến D có hai con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Trung Minh H1, sinh ngày 25/7/2016. Hai con hiện nay đang sống cùng chị M ở thành phố H, tỉnh H. Xét điều kiện thực tế hiện nay, chị M có thu nhập, có chỗ ở ổn định để nuôi con, xét nguyện vọng của con và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình nên giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị M không yêu cầu giải quyết, Tòa án không ghi được lời khai của anh Nguyễn Tiến D, do vậy về quan hệ tài sản không giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/2010 và Nguyễn Trung Minh H1, sinh ngày 25/7/2016, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra giải quyết vì chị M không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị M, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000449 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Chị Lê Thị M có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, TP T, tỉnh T; ĐKKH số 59 ngày 03/8/2010)*
- *Lưu: hồ sơ, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lý